

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2019/DS-PT

Ngày: 20– 11– 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 319/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trương Văn C, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

1.2. Ông Trương Văn Ng, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

1.3. Ông Trương Văn Ng1, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp Lộc Khê, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

1.4. Ông Trương Văn N, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

1.5. Bà Trương Thị Kim D, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp PH1, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

1.6. Ông Trương Văn B, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện

TB, tỉnh Tây Ninh; đã chết ngày 21-12-2017.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn B:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

2. Anh Trương Hải B1, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

3. Chị Trương Thị Khánh L, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp LH, xã LG, huyện DH, tỉnh Long An; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H, anh Trương Hải B1 và chị Trương Thị Khánh L: Ông Trương Văn C, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 01 năm 2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch là luật sư, Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Ch thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Hoa T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.2. Ông Trương Minh Th, sinh năm 1985.

3.3. Bà Trương Kim T1, sinh năm 1987.

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

3.4. Ông Trương Minh L1, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp LR, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của Trương Minh Th, Trương Kim T và Trương Minh L: Ông Trương Văn C, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 01 năm 2018). Có mặt.

3.5. Ông Trương Ngọc Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp TT, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (Tòa không triệu tập).

3.6. Ông Trương Minh Th (Cùng), sinh năm 1980; địa chỉ: ấp CT, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (Tòa không triệu tập)

3.7. Bà Trương Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp SC, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (Tòa không triệu tập)

3.8. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959.

3.9. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970.

Cả hai cùng địa chỉ Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. (Tòa không triệu tập)

3.10. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964.

Địa chỉ: nhà số 22/1 đường THĐ, khu phố 1, phường BH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. (Tòa không triệu tập)

Người kháng cáo: ông Trương Văn C, ông Trương Văn Ng, ông Trương Văn Ng1, ông Trương Văn N, bà Trương Thị Kim D.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn C trình bày:

Hiện nay anh chị em ông khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn T để đòi lại quyền sử dụng 573,8 m² đất thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; phần đất này có nguồn gốc là của ông cố Ngô Văn D1 là ông cố của ông C, không vợ con (bà nội Lê Thị Sậy) gọi cố D1 bằng cậu, khi cố D1 chết ông Trương Văn Đ1(cha ông C), Trương Văn Ph và Trương Cao Ph1 đứng ra chôn cất, cúng giỗ và quản lý đất khoảng 15 cao trong đó có phần tranh chấp; sau đó anh em của cụ Đ1 thống nhất giao 15 cao đất này cho cụ Đ1, cụ Đ1 có trách nhiệm cúng giỗ cố D1, đến ngày 08/3/1975 cụ Đ1 chết giao lại cho ông Trương Văn N làm nghĩa vụ tiếp theo cho đến nay; vào năm 1976 sau khi cụ Đ1 chết cô ruột Nguyễn Thị M đến xin mẹ ông C cho ở nhờ trên phần đất này do nhà của bà bị cháy, mẹ ông C đồng ý nên có dọn dẹp mấy hàng mướp cho bà M cất nhà ở, sau khi ông Nguyễn Văn T lớn lên có vợ cất nhà ra ở riêng sát với nhà bà M, sau khi bà M chết ông T tiến hành xây nhà trên đất này nên anh em ông C phát hiện ngăn cản thì ông T nói để phụ cho anh em ông C 20.000.000 đồng để ông xây nhà, anh em ông C nói đất này để làm thổ mộ không bán nên xảy ra tranh chấp. Nay ông C yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hoa T phải trả lại cho anh chị em ông C 573,8 m² đất thuộc thửa số 202, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp PH xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, nhưng tại phiên tòa phía nguyên đơn đồng ý không yêu cầu phần đất mà ông T đã cất nhà lấn chiếm có diện tích 52,3 m² và phần chừa lối đi ra đường 80,6 m² tổng cộng phần diện tích phía nguyên đơn không yêu cầu 132,9 m² nên diện tích tranh chấp còn lại là 427 m².

- Nguyên đơn ông Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1 , Trương Văn N và Trương Thị Kim D trình bày:

Thống nhất nội D ông Trương Văn C trình bày không có ý kiến gì khác.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trương Văn B bà Nguyễn Thị H, anh Trương Hải B1 và chị Trương Thị Khánh L; đại diện theo ủy quyền ông

Trương Văn C trình bày: Thống nhất như ý kiến của ông C và không bổ sung gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cô Ngô Văn D1, khi cô D1 già yếu ông bà ngoại ông T (cụ Trương Văn Dài và cụ Lê Thị Sậy) đứng ra chăm sóc cho cô D1 đến khi cô D1 chết ông bà ngoại ông lo chôn cất và cúng giỗ nên đất cô D1 để lại ông, bà ngoại ông T quản lý đến tháng 3 năm 1976 nhà mẹ ông bị cháy nên cụ Sậy kêu mẹ ông về cho đất cất nhà ở, mẹ ông T cất nhà ở sau đó ông T có vợ cất nhà ra ở riêng kế bên phần đất tranh chấp, theo hiện trạng có phần lán chiều ngang 02 mét qua ranh đất mà mấy anh em ông Cục khởi kiện, còn lại diện tích đất trước đây mẹ ông sử dụng, khi mẹ ông chết anh em ông T không ở nơi này mà đã mua đất xây nhà chỗ khác bỏ đất này lại cho vợ chồng ông. Nay ông không đồng ý trả đất này lại theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hoa T trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông T không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 100, 101 luật đất đai, Điều 166, 182, 184, 236 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 427 m² là một phần của thửa 202, bản đồ số 02 (bản đồ 2000) đất tọa lạc ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. có tứ cận Đông giáp thửa 195 và đường đất dài 14,45 + 1,54 mét, Tây giáp thửa 202 dài 22,91 mét; Nam giáp đường 3 mét dài 3,76 + 3 + 23,14 mét; Bắc giáp thửa 185, 195 dài 2,00 + 2,99 + 17,38 mét của Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn N và Trương Thị Kim D với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hoa T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/7/2019, nguyên đơn ông Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn N và Trương Thị Kim D có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Hoa T trả lại quyền sử dụng đất diện tích 427 m², thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 2000) đất tọa lạc tại Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn Nvà Trương Thị Kim D kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật nên chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, ông Ng, ông Ng1, ông Năng, bà D để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn Nvà Trương Thị Kim D thì thấy rằng:

Diện tích đất tranh chấp 427m² có nguồn gốc là của cố Ngô văn D1, cố D1 không có vợ con. Theo các nguyên đơn trình bày khi cố D1 chết cụ Trương Văn Ph, cụ Trương Cao Ph1 và Trương Ngọc Đ (cha) các nguyên đơn đứng ra chôn cất và sau đó những người này mới giao đất cho cha các nguyên đơn quản lý để cúng giỗ cố D1, vào ngày 08/3/1975 cụ Trương Văn Đ chết cụ Phan Thị S tiếp tục quản lý sử dụng đất của cố D1, đến năm 1976 cụ Trương Thị M (mẹ ông T) bị cháy nhà mới về hỏi cụ Phan Thị Si để xin cất nhà ở khi hết đời trả lại, khi đó cụ S có nhỏ mấy hàng mướp cho cụ M cất nhà ở cùng các con, khi ông Nguyễn Văn T lớn lên có vợ cất nhà ra riêng kế bên phần đất mà mẹ các nguyên đơn cho cụ Trương Thị M cất nhà ở, theo thẩm định thực tế hiện nay phần nền nhà của ông Nguyễn Văn T có lấn sang phần đất mà cụ M hỏi cất nhà ở chiếm chiều ngang 2 mét. Ngược lại Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hoa Tcho rằng phần đất này của cố Ngô Văn D1, cố D1 không có vợ con nên ông bà ngoại (ông Trương Văn D và bà Lê Thị S1) đứng ra chăm sóc đến khi cố D1 chết ông bà ngoại ông T lo chôn cất và cúng giỗ, đất cố D1 để lại ông, bà ngoại quản lý đến tháng 3 năm 1976 nhà mẹ ông bị cháy nên bà ngoại ông kêu mẹ ông về cho đất cất nhà ở, sau đó ông có vợ cất nhà ra ở riêng kế bên phần đất tranh chấp, theo hiện trạng có phần lấn chiều ngang 02 mét qua ranh đất mà mấy anh em ông C khởi kiện, còn lại là diện tích đất trước đây mẹ ông T sử dụng, khi mẹ chết em út không ở nơi này mà đã mua đất xây nhà chỗ khác bỏ đất này lại cho vợ chồng ông.

Qua xem xét thẩm định cùng tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện phần đất này trước đây của cố Ngô Văn D1 (ông D1 là cậu bà Lê Thị S, bà S là bà nội các nguyên đơn, là bà ngoại của bị đơn), cố D1 không có vợ con, khi cố D1 chết trong lúc chiến tranh đất của cố D1 người dân ở nhờ sau giải phóng, người ở trả đất lại cụ Trương Ngọc Đ1 khai phá sử dụng, vào năm 1976 nhà cụ Trương Thị M bị cháy nên bà có đến phần đất này để cất nhà ở cho đến năm 2014 cụ chết ông Nguyễn Văn T tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay. Hiện đất này đến nay hai bên không ai kê khai đăng ký gì cả.

Xét thấy nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự xác nhận là của cố Ngô Văn D1, sau khi cố D1 chết để lại cho bà Lê Thị S1 quản lý, cụ S1 không phải là người được hưởng thừa kế, sau đó cụ giao đất cho cụ Trương Ngọc Đ1 (cha ông C) canh tác cúng giỗ cố D1. Năm 1976 cụ Trương Thị M (mẹ ông T) bị cháy nhà nên có hỏi cụ Phan Thị S (mẹ ông C) để cất nhà ở cho đến nay. Cố D1 chết không để lại di chúc, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa xác định người sở hữu, việc cụ S cho cụ M cất nhà ở từ năm 1976 cho đến năm 2014 không ai tranh chấp, các nguyên đơn cho rằng đất này cha mẹ cho cụ M ở nhờ và đất dùng để làm thổ mộ nhưng không có cơ sở pháp lý nào chứng minh mình được quyền thừa hưởng phần đất này nên việc ông Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn N và Trương Thị Kim D yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Hoa T trả lại cho ông bà diện tích đất trên là không có căn cứ.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn ông Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn N và Trương Thị Kim D kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn N và Trương Thị Kim D phải chịu tiền án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, 101 luật đất đai, Điều 166, 182, 184, 236 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn N và Trương Thị Kim D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 427 m² là một phần của thửa 202, bản đồ 02 (bản đồ 2000) đất tọa lạc ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận Đông giáp thửa 195 và đường đất dài 14,45 + 1,54 mét, Tây giáp thửa 202 dài 22,91 mét; Nam giáp đường 3 mét dài 3,76 + 3 + 23,14 mét; Bắc giáp thửa 185, 195 dài 2,00 + 2,99 + 17,38 mét của Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn Nvà Trương Thị Kim D với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hoa T.

2. Ông Trương Văn C, Trương Văn Ng, Trương Văn Ng1, Trương Văn Nvà Trương Thị Kim D 1.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng (ghi nhận các đương sự đã nộp đủ).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí sơ thẩm cho ông Trương Văn C và Trương Văn Ng.

- Ông Trương Văn Ng1; Trương Văn N; Trương Thị Kim D; bà Nguyễn Thị H, Trương Hải B1 và Trương Thị Khánh L phải chịu 2.116.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009236 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, các ông bà còn phải nộp 866.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn C và Trương Văn Ng, Ông Trương Văn Ng1; Trương Văn N; bà Trương Thị Kim D; bà Nguyễn Thị H, Trương Hải B1 và Trương Thị Khánh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017289 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, ghi nhận đã nộp đủ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện TrB;
- CCTHADS huyện TrB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng GDKT;
- Lưu tập án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bình

